TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ- ST
Ngày 06/8/2024
V/v "Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thể

2. Ông Ngô Cao Lâm

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2024/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc *"Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 05/7/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nông Văn T1, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai và quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Văn T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 07/6/2021 tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau ngày cưới anh chị làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng thường

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nông Văn T1.

- Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nông Anh T2, sinh năm 15/12/2021. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Anh T2; không có yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Vợ chồng chị không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Nông Văn T1 đến để giải quyết vụ án nhưng anh T1 đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Nông Văn L là bố đẻ của anh T1 thì anh T1 và chị T kết hôn vào năm 2021, sau khi kết hôn thì chung sống tại thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2023 anh T1 và chị T có mở cửa hàng cắt tóc tại thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Ông có được nghe chị T nói lại về việc anh T1 không cho chị T can thiệp vào công việc của anh T1. Khoảng giữa năm 2023 chị T đi làm Công ty tại xã P, huyện S được khoảng 20 ngày thì chị T nghỉ và về nhà mẹ đẻ tại tỉnh Thái Nguyên từ đó cho đến nay không về lại nhà chồng lần nào nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn liên quan đến chuyện tình cảm vợ chồng, gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Phía gia đình nhà ông cũng có nói chuyện riêng với chị T nhưng chị T không đồng ý quay về. Hiện nay anh T1 đang đi làm ăn xa nhà, thỉnh thoảng có về thăm nhà xong lại đi ngay. Anh T1 không nói rõ địa chỉ và nơi làm việc mới của anh T1 nên không thể cung cấp được cho Tòa án. Bản thân anh T1 có biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị T, gia đình cũng đã nhận được các văn bản của Tòa án gửi và đã thông báo cho anh T1 biết, tuy nhiên anh T1 xác định không về giải quyết được và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh tại thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cho thấy: Chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn T1 kết hôn vào năm 2021. Sau ngày cưới anh chị về làm ăn sinh sống tại thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Được một thời gian thì anh chị có mở tiệm tóc trên thị trấn S, huyện S nhưng vẫn đi lại và sinh sống tại thôn Đ, xã P, huyện S. Đến cuối năm 2023 chị T đã đưa con về nhà ngoại ở tại tỉnh Thái Nguyên từ đó cho đến nay và không thấy quay lại gia đình nhà anh T1. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị theo đại diện thôn biết là liên quan đến chuyện tình cảm vợ chồng và việc anh T1 có chơi bời bên ngoài, sự việc xảy ra anh chị cũng chưa báo lại cho thôn biết. Về con chung anh chị có 01 con chung là cháu Nông Anh T2, sinh năm 2021, hiện nay cháu đang ở cùng chị T. Về tài sản chung, công nợ chung thì đại diện thôn không nắm được.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng

bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định *về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:*

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Nguyễn Thị T: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nông Văn T1.

- Giao cháu Nông Anh T2, sinh năm 15/12/2021 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Nông Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T1, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; anh Nông Văn T1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1, Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn T1 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 07/6/2021 tại UBND xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Lời khai của chị T phù hợp với lời khai của bố đẻ anh T1 và kết quả xác minh tại địa phương. Ngoài ra, kết quả xác minh cũng cho thấy, anh T và chị T1 đã ly thân từ giữa năm 2023 đến nay. Như vậy, thực tế cuộc sống vợ chồng của chị T và anh T1 đã không tồn tại, cả hai đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ hay cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 đã lâm vào

tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T là xử cho chị T được ly hôn với anh Nông Văn T1.

[2.2] Về con chung: Quá trình sinh sống anh T1 và chị T anh chị có 01 con chung là cháu Nông Anh T2, sinh năm 15/12/2021. Hiện cháu T2 đang ở cùng chị T tại tại tỉnh Thái Nguyên. Chị T đề nghị được quyền nuôi con và không có yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy hiện anh Nông Văn T1 không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu Nông Anh T2 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Nông Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* đối với anh Nông Văn T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nông Văn T1 *(Giấy chứng nhận kết hôn số 29/2021 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 07/6/2021 cho chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn T1)*

2. Về con chung: Giao cháu Nông Anh T2, sinh năm 15/12/2021 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nông Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001264 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001201992 ngày 08/5/2024 của Công ty cổ phần T3). Anh Nông Văn T1 không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nông Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Quốc Thể - **Ngô Cao Lâm** **Phạm Thị Thùy Trâm**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- UBND xã Phúc Ứng (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trâm